

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 08
3. Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	12
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	13 - 46



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301261975 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn Upcom.

Mã chứng khoán : SSN.

Vốn điều lệ : 396.000.000.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3914 2219

Fax : +84 (28) 3914 2236

Mã số thuế : 0301261975

3. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phân sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thủy sản Phú Viên	Số 67 phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	100%	100%	100%	100%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên	67 Phú Viên, tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn	678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn	Khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn	214 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

4. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, thu mua, chế biến, kinh doanh các mặt hàng: thủy hải sản, nông lâm sản, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác,...;
- Sản xuất, mua bán các loại: vật liệu xây dựng, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành thủy sản, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành nông nghiệp, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành bao bì, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải,...;
- Kinh doanh kho lạnh, kho mát, giao nhận, vận chuyển, bốc xếp hàng hóa đường bộ - đường biển;
- Đại lý vận tải đường biển,... ;
- Kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi và các loại bất động sản khác,...;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ...

5. Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Ngọc Định	Chủ tịch	03/8/2022	
Ông Trần Duy Bình	Chủ tịch		03/8/2022
Ông Đặng Đình Phúc	Phó Chủ tịch	03/8/2022	
Bà Đỗ Thị Hồng	Thành viên		
Ông Lin Yi Huang	Thành viên		
Ông Tô Ngọc Ngời	Thành viên		28/7/2022
Ông Nguyễn Đình Quang	Thành viên		28/7/2022

5.2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trọng Trí	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bích	Thành viên
Ông Dương Hỷ Phúc	Thành viên

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Đình Phúc	Tổng Giám đốc	29/04/2022	
Ông Lại Tấn Cang	Tổng Giám đốc		29/04/2022
Bà Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Thị Mai Thu	Kế toán trưởng		

6. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ cho đến ngày 29/4/2022 là Ông Lại Tấn Cang – Tổng Giám đốc và từ sau ngày 29/4/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Đình Phúc – Tổng Giám đốc

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty từ trang 09 đến trang 46.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 162/2022/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn theo đơn yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna. Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn đã đệ trình đơn yêu cầu khẩn cấp về việc hủy bỏ hoặc đình chỉ/tạm đình chỉ thi hành Quyết định mở thủ tục phá sản số 162/2022/QĐ-MTTPS ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm phát hành báo cáo, vẫn chưa có kết luận của Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề này.

Ngoài ra, Viện kiểm soát nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 137/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm đối với bản án số 53/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Theo đó, tạm đình chỉ thi hành đối với bản án số 53/2021/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) và lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty đính kèm. Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

TM. Ban Hội đồng quản trị



HUỲNH NGỌC ĐỊNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 2372/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2022, từ trang 09 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền 3.105.909.091 VND, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền 3.470.597.272 VND, khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền 893.640.828 VND, khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 7.656.983.150 VND, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền 18.414.387.106 VND, phải trả ngắn hạn khác với số tiền 503.774.352.758 VND. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó, chúng tôi không có cơ sở xác định ảnh hưởng của vấn đề nêu trên (nếu có) đến bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ;
- Theo thuyết minh báo cáo tài chính mục số V.5, V.19, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ hồ sơ về các khoản Công ty cho vay, đi vay,.... Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó, chúng tôi không có cơ sở xác định ảnh hưởng của vấn đề nêu trên (nếu có) đến bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tổng hợp) giữa niên độ.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh số VIII.2 – Nợ tiềm tàng, theo các thông báo nộp tiền thuê đất truy thu bổ sung, thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2021 của khu đất tại số 678 Âu Cơ (số cũ 3218C), phường 14, quận Tân Bình, Tp.HCM, Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất phải nộp theo thông báo thuế tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 với số tiền ước tính là 66.357.275.524 VND. Công ty đang làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định lại tiền thuê đất phải nộp nêu trên. Hiện nay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có quyết định chính thức số tiền thuê đất mà công ty phải nộp. Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất nêu trên khi có quyết định chính thức.

Đồng thời, Dự án căn hộ Centa Park đang tạm dừng thực hiện, công ty đang tiến hành trả lại tiền đặt cọc cho khách hàng. Việc tạm dừng thực hiện Dự án có thể phát sinh rủi ro nợ tiềm tàng. Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý để thực hiện Dự án, cũng như các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc dừng thực hiện này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận soát xét có dạng chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1523-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP) GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.013.222.605.184	1.029.911.460.658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.069.018.778	445.507.482
111	1. Tiền		1.069.018.778	445.507.482
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.011.535.451.361	1.025.129.873.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	56.221.964.628	59.230.934.111
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	43.024.567.199	43.024.567.199
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	254.961.858.787	255.101.858.787
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	765.454.429.935	775.949.882.945
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.7	(108.127.369.188)	(108.177.369.189)
140	IV. Hàng tồn kho		-	2.923.228.182
141	1. Hàng tồn kho		-	2.923.228.182
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		618.135.045	1.412.851.141
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	631.888.080
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	618.135.045	780.963.061
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		52.626.895.116	54.056.808.933
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.261.585.608	9.035.399.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	8.261.585.608	9.035.399.425
222	- Nguyên giá		19.370.906.428	19.370.906.428
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.109.320.820)	(10.335.507.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		264.747.900	264.747.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(264.747.900)	(264.747.900)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		28.306.025.561	28.306.025.561
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.10	28.306.025.561	28.306.025.561
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	1.432.242.350	2.088.342.350
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.847.240.000	4.847.240.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.414.997.650)	(2.758.897.650)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.627.041.597	14.627.041.597
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	14.627.041.597	14.627.041.597
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.065.849.500.300	1.083.968.269.591

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn

Địa chỉ: Số 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		613.932.845.368	632.195.705.008
310	I. Nợ ngắn hạn		612.269.645.368	632.195.705.008
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	7.777.476.732	8.377.476.732
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	20.761.234.306	26.063.552.906
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	3.931.247.836	4.818.364.991
314	4. Phải trả người lao động	V.15	803.567.829	173.183.079
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	6.793.195.347	8.249.134.773
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	112.272.727
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	505.032.940.003	506.155.313.279
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	67.169.983.315	78.246.406.521
330	II. Nợ dài hạn		1.663.200.000	-
337	1. Phải trả hạn khác	V.17b	1.663.200.000	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		451.916.654.932	451.772.564.583
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	451.916.654.932	451.772.564.583
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		396.000.000.000	396.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		396.000.000.000	396.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		931.464.240	931.464.240
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.985.190.692	54.841.100.343
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		54.841.100.343	54.774.903.614
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		144.090.349	66.196.729
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.065.849.500.300	1.083.968.269.591

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ MAI THU

TRẦN THỊ MAI THU



Dặng Đình Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TỔNG HỢP) GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10.044.390.154	8.829.264.041
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.044.390.154	8.829.264.041
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	5.595.136.939	4.556.130.176
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.449.253.215	4.273.133.865
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.382.990.157	1.307.589.233
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	656.100.000	(812.542.704)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	86.314.296
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	5.545.225.007	4.875.983.728
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.630.918.365	1.517.282.074
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	VI.6	1.325.000.000	1.114.953.641
40	13. Lợi nhuận khác		(1.325.000.000)	(1.114.953.641)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		305.918.365	402.328.433
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	161.828.016	168.100.758
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		144.090.349	234.227.675
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8	3,64	5,91
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.8	3,64	5,91

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ MAI THU

TRẦN THỊ MAI THU



Dặng Đình Phúc 11

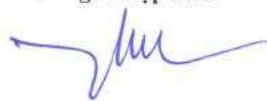
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TỔNG HỢP) GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		305.918.365	402.328.433
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(2.003.076.341)	(1.406.163.236)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9, V.10	773.813.817	713.968.701
03	- Các khoản dự phòng	V.2, V.7	606.099.999	(898.857.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(3.382.990.157)	(1.307.589.233)
06	- Chi phí lãi vay		-	86.314.296
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.697.157.976)	(1.003.834.803)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.518.149.728	(2.947.290.192)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.923.228.182	1.412.833.868
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(21.459.318.752)	1.832.877.599
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.11	-	60.592.098
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(86.314.296)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	-	(50.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.715.098.818)	(781.135.726)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.5	190.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.19	182.589.149	1.307.589.233
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		372.589.149	1.307.589.233
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	7.426.384.096	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(4.502.807.302)	(651.600.006)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.923.576.794	(651.600.006)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		581.067.125	(125.146.499)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	487.951.653	613.098.152
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.069.018.778	487.951.653

Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI THU

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ MAI THU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tổng Giám đốc



Đang Đình Phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn với hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là thương mại – dịch vụ, kinh doanh bất động sản,...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, thu mua, chế biến, kinh doanh các mặt hàng: thủy hải sản, nông lâm sản, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác,...
- Sản xuất, mua bán các loại: vật liệu xây dựng, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành thủy sản, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành nông nghiệp, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành bao bì, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải,...
- Kinh doanh kho lạnh, kho mát, giao nhận, vận chuyển, bốc xếp hàng hóa đường bộ - đường biển;
- Đại lý vận tải đường biển,...
- Kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi và các loại bất động sản khác,...
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ

Trong kỳ, không có đặc điểm hoạt động của Công ty ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thủy sản Phú Viên	Số 67 phố Phú Viên, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	100%	100%	100%	100%

Công ty TNHH MTV Thủy sản Phú Viên thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108953110 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ đăng ký: 1.000.000.000 VND.

Đến ngày kết thúc kỳ kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa góp vốn vào công ty con và công ty con chưa đi vào hoạt động.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên	67 Phú Viên, tổ 2, phường Bò Đề, quận Long Biên, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn	678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn	Khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn	214 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 12 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 14 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

Theo đó, bảng cân đối kế toán (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tổng hợp) giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này là báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn công ty, trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn;

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. 3

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí hoa hồng môi giới, marketing dự án căn hộ Centa Park

Là chi phí hoa hồng môi giới, marketing dự án căn hộ Centa Park giai đoạn đầu kinh doanh, hiện nay dự án đã tạm dừng kinh doanh do các thủ tục pháp lý chưa đầy đủ và Công ty chưa phân bổ chi phí nêu trên.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một bên tham gia.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Dự án Khu chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-3/PLHĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng, tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành, Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cổ định 30% lợi nhuận của Dự án.
- Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-2/PLHĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cổ định 23% lợi nhuận của Dự án.
- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-1/PLHĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cổ định 20% lợi nhuận của Dự án.

Dự án Căn hộ - Trung tâm thương mại "Centa Park"

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18 tháng 8 năm 2016, Công ty và Công ty CP TM DV và XD cùng hợp tác đầu tư thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh công trình trên khu đất thuộc dự án Centa Park 678 Âu Cơ.

Theo đó, Công ty tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ sản phẩm của Dự án cho Công ty CP TM DV và XD (Traseco) khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật. Công ty CP TM DV và XD (Traseco) được độc quyền ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty đối với Dự án trên cho đến khi có quyết định chấp nhận chủ đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kể từ ngày ký Hợp đồng này trở

về sau mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc phát triển Dự án sẽ do Công ty CP TM DV và XD chi trả (Xem thuyết minh số V.10, V.17).

Đầu tư góp vốn kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VND cho Ông Phạm Nguyên Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời với tỷ lệ % lợi nhuận cố định. Khoản đầu tư này đã hết hạn hợp đồng và công ty đã trích lập dự phòng 100%.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (Tổng hợp) giữa niên độ của Công ty.

20. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại cho phù hợp với bản chất nghiệp vụ theo quy định. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số đầu năm trình bày lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Tài sản	1.048.792.314.875	1.048.792.314.875	-
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.308.480.749	59.230.934.111	42.922.453.362
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.814.597.272	43.024.567.199	39.209.969.927
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	255.101.858.787	255.101.858.787
136	Phải thu ngắn hạn khác	793.286.844.574	775.949.882.945	(17.336.961.629)
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.568.837.662)	(108.177.369.189)	(82.608.531.527)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	2.288.788.920	-	(2.288.788.920)
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	42.922.453.362	-	(42.922.453.362)
212	Trả trước cho người bán dài hạn	39.209.969.927	-	(39.209.969.927)
215	Phải thu về cho vay dài hạn	235.000.000.000	-	(235.000.000.000)
216	Phải thu dài hạn khác	476.108.238	-	(476.108.238)
221	Tài sản cố định hữu hình	4.723.261.753	9.035.399.425	4.312.137.672
222	- Nguyên giá	14.361.959.628	19.370.906.428	5.008.946.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(9.638.697.875)	(10.335.507.003)	(696.809.128)
261	Chi phí trả trước dài hạn	18.939.179.269	14.627.041.597	(4.312.137.672)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sần Gòn
Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

B	Nguồn vốn	615.283.637.697	615.283.637.697	-
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.716.705.706	26.063.552.906	2.346.847.200
313	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.589.746.228	4.818.364.991	3.228.618.763
319	Phải trả ngắn hạn khác	589.911.884.288	506.155.313.279	(83.756.571.009)
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	65.301.475	78.246.406.521	78.181.105.046

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	119.247.616	128.711.232
1.2	Tiền gửi ngân hàng	949.771.162	316.796.250
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	1.069.018.778	445.507.482

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay.

Và tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ chi tiết như sau:

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Dollar Mỹ (USD)	3.325,37	76.612.625	3.325,37	76.612.625

2. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam	400.000.000	20.807.350	(379.192.650)	400.000.000	20.807.350	(379.192.650)
Cổ phiếu Công ty CP XNK Thủy Sản Năm Căn	820.000	820.000	-	820.000	820.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4.446.420.000	1.410.615.000	(3.035.805.000)	4.446.420.000	2.066.715.000	(2.379.705.000)
Cộng	4.847.240.000	1.432.242.350	(3.414.997.650)	4.847.240.000	2.088.342.350	(2.758.897.650)

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Số đầu năm	(2.758.897.650)	(3.973.502.983)
Trích lập dự phòng	(656.100.000)	
Hoàn nhập dự phòng	-	898.857.000
Số cuối kỳ	(3.414.997.650)	(3.074.645.983)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.162.015.299	13.053.051.534
Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức	5.095.422.443	5.095.422.443
Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management	3.076.909.091	3.450.909.091
Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	999.683.765	-
Công ty CP PPT Land	990.000.000	990.000.000
Công ty CP Vina Đại Phước	-	3.516.720.000
Phải thu các khách hàng khác	46.059.949.329	51.273.305.020
Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong (*)	33.279.923.622	33.279.923.622
Al Gasr International For Import And Export	8.335.814.068 (#USD 395.437)	8.335.814.068 (#USD 395.437)
Công ty TNHH TM Bách Tùng	2.046.964.389 (#USD 96.079)	2.046.964.389 (#USD 96.079)
Các khách hàng khác	2.397.247.250 (#USD 31.137)	2.515.180.498 (#USD 31.137)
Cộng	56.221.964.628	59.230.934.111

(*) Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong đã bỏ trốn và Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc hàng hóa gửi kho bị niêm phong và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập dự phòng 100% (Xem thuyết minh V.6-V.7).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	43.024.567.199	43.024.567.199
Công ty TNHH Hoàng Đạo	30.271.975.287	30.271.975.287
Cơ sở Kinh doanh Lê Thị Lệ Chiêu	4.690.491.475	4.690.491.475
Công ty TNHH TM DV ĐT XD Quang Trung Sài Gòn	3.364.597.272	3.364.597.272
Công ty TNHH TM DV Bắc Việt Chung	2.450.493.482 (#USD 16.126)	2.450.493.482 (#USD 62.654)
Các nhà cung cấp khác	5.611.606.955	5.611.606.955
Cộng	43.024.567.199	43.024.567.199

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	239.254.690.593	239.254.690.593
Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông ⁽¹⁾	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình ⁽²⁾	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty CP Thủ Thiêm Land ⁽³⁾	2.264.298.438	2.264.298.438
Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến ⁽³⁾	1.990.392.155	1.990.392.155
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	15.707.168.194	15.847.168.194
Nguyễn Văn Liêm ⁽³⁾	5.707.168.194	5.847.168.194
Công ty CP TM & Du lịch Sài Gòn ⁽³⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	254.961.858.787	255.101.858.787

(1) Theo Hợp đồng vay tiền số 02/HĐV/SEA-SAICOM/2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2021 ngày 10 tháng 6 năm 2021, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/2021 ngày 31 tháng 12 năm 2021, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022 ngày 26 tháng 5 năm 2022:

- + Số tiền cho vay: 200.000.000.000 VND
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- + Lãi suất cho vay: 3,30%/năm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sà Gòn
 Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

+ Tài sản bảo đảm: không có

⁽²⁾Theo Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/SEA-TMX/2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021 ngày 09 tháng 12 năm 2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021 ngày 24 tháng 3 năm 2021:

- + Bên vay: Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình
- + Số tiền cho vay: 35.967.138.802 VND
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- + Lãi suất cho vay: 0%/năm.
- + Dư nợ cho vay tại ngày 30/06/2022: 35.000.000.000 VND
- + Tài sản bảo đảm: không có

⁽³⁾ Là các khoản cho vay chưa có hợp đồng cho vay.

6. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	757.252.346.408	-	753.935.013.075	-
Phải thu hợp tác đầu tư	731.000.000.000	-	731.000.000.000	-
- Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến ⁽¹⁾	305.250.000.000	-	305.250.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD Bưu Chính Viễn Thông ⁽²⁾	225.837.800.000	-	225.837.800.000	-
- Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình ⁽³⁾	199.912.200.000	-	199.912.200.000	-
Phải thu lãi cho vay, đầu tư	26.014.616.522	-	22.697.283.189	-
- Công ty CP Đầu tư XD Bưu Chính Viễn Thông	15.033.423.690	-	11.716.090.357	-
- Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	6.637.915.625	-	6.637.915.625	-
- Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	4.343.277.207	-	4.343.277.207	-
Phải thu khác	237.729.886	-	237.729.886	-
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	184.891.736	-	184.891.736	-
- Công ty CP Everland	52.838.150	-	52.838.150	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.202.083.527	(6.490.423.490)	22.014.869.870	(6.540.423.490)
- Công ty CP Công nghiệp Toda	3.035.379.211	(3.035.379.211)	3.035.379.211	(3.035.379.211)
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong ⁽⁴⁾	2.288.788.920	(2.288.788.920)	2.288.788.920	(2.288.788.920)
- Phạm Nguyên Khôi ⁽⁵⁾	450.000.000	(450.000.000)	500.000.000	(500.000.000)

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	611.411.336	(273.627.621)	527.011.336	(273.627.621)
- Phải thu ký quỹ, ký cược ngắn hạn	463.740.000	(20.000.000)	463.740.000	(20.000.000)
Các đối tượng khác	1.352.764.060 (#USD 19.739)	(492.627.738) (#USD 19.739)	1.199.950.403 (#USD 19.739)	(492.627.738) (#USD 19.739)
Cộng	765.454.429.935	(6.490.423.490)	775.949.882.945	(6.540.423.490)

(1) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-3/PLHĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng, tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành, Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 30% lợi nhuận của Dự án.

(2) Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-2/PLHĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 23% lợi nhuận của Dự án.

(3) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-1/PLHĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 20% lợi nhuận của Dự án.

(4) Là giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE gửi tại kho Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong, bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này. Hiện nay, Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong đã bỏ trốn và Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc trên và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán (xem thuyết minh V.3-V.7).

(5) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VND cho Ông Phạm Nguyên Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời với tỷ lệ % lợi nhuận cố định. Khoản đầu tư này đã hết hạn hợp đồng và công ty lập dự phòng 100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

7. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	6.270.314.178		6.985.422.442	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.085.422.442		6.085.422.442	-
+ Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức	5.095.422.442	-	5.095.422.442	-
+ Công ty CP PPT Land	990.000.000	-	990.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác ⁽¹⁾	184.891.736	-	-	-
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land ⁽¹⁾	184.891.736	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	101.857.055.010	-	102.091.946.747	-
Quá hạn trên 03 năm	101.857.055.010	-	102.091.946.747	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	45.997.553.329	-	45.997.553.329	-
+ Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong ⁽²⁾	33.279.923.622	-	33.279.923.622	-
+ AI Gasr International For Import And Export	8.335.814.068	-	8.335.814.068	-
+ Công ty TNHH TM Bách Tùng	2.046.964.389	-	2.046.964.389	-
+ Công ty TNHH MTV Đông Á Sài Gòn	957.600.000	-	957.600.000	-
+ Các khách hàng khác	1.377.251.250	-	1.377.251.250	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	39.553.969.927	-	39.553.969.927	-
+ Công ty TNHH Hoàng Đạo	30.271.975.287	-	30.271.975.287	-
+ Cơ sở KD Lê Thị Lệ Chiêu	4.690.491.475	-	4.690.491.475	-
+ Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	2.790.428.508	-	2.790.428.508	-
+ Các nhà cung cấp khác	1.801.074.657	-	1.801.074.657	-
- Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
+ Công ty CP TM & Du lịch Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác ⁽¹⁾	6.305.531.754	-	6.640.423.491	-
Cộng	108.127.369.188	-	108.177.369.189	-

⁽¹⁾ Là các khoản dự phòng phải thu khó đòi của các khoản Phải thu ngắn hạn khác (Xem thuyết minh V.6).

⁽²⁾ Là khoản phải thu Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong (Xem thuyết minh V.3)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(108.177.369.189)	-	(108.177.369.189)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	50.000.001	-	50.000.001
Số cuối kỳ	(108.127.369.188)	-	(108.127.369.188)

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	6.803.798.496	12.462.121.182	104.986.750	19.370.906.428
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	6.803.798.496	12.462.121.182	104.986.750	19.370.906.428
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.794.851.696	441.982.364	104.986.750	2.341.820.810
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	2.491.660.824	7.738.859.429	104.986.750	10.335.507.003
2. Tăng trong kỳ	60.592.098	713.221.719	-	773.813.817
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	60.592.098	713.221.719	-	773.813.817
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.552.252.922	8.452.081.148	104.986.750	11.109.320.820
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	4.312.137.672	4.723.261.753	-	9.035.399.425
2. Tại ngày cuối kỳ	4.251.545.574	4.010.040.034	-	8.261.585.608
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Trong đó:

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá		
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	264.747.900	264.747.900
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	264.747.900	264.747.900
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	264.747.900	264.747.900
II. Giá trị hao mòn		
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	264.747.900	264.747.900
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	264.747.900	264.747.900
III. Giá trị còn lại		
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-

Trong đó:

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khu phức hợp 678 Âu Cơ (Dự án căn hộ Centa Park)	26.577.214.520	26.577.214.520	26.577.214.520	26.577.214.520
Cộng	26.577.214.520	26.577.214.520	26.577.214.520	26.577.214.520

Là công trình đầu tư dự án Khu phức hợp 678 Âu Cơ theo Quyết định 4217/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc công nhận Chủ đầu tư và chấp nhận đầu tư Dự

án Khu phức hợp tại số 678 đường Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, với tổng mức đầu tư dự án là 1.733.000.000.000 VND, diện tích khu đất đầu tư là 22.172,7 m², tổng số căn hộ xây dựng là 1.345 căn.

Liên quan đến dự án nêu trên, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18 tháng 8 năm 2016 với Công ty CP TM DV và XD để cùng hợp tác đầu tư thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh công trình trên khu đất thuộc dự án Centa Park 678 Âu Cơ, trong đó Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn là chủ đầu tư dự án, Công ty CP TM DV và XD là Nhà đầu tư thực hiện mua bán, xây dựng kinh doanh khai thác toàn bộ dự án, theo đó lợi nhuận của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn dự án.

Hiện nay, do vướng mắc trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý nên tiến độ triển khai dự án chậm hơn so với kế hoạch.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí môi giới, hoa hồng, marketing dự án căn hộ Centa Park ^(*)	14.627.041.597	14.627.041.597
Cộng	14.627.041.597	14.627.041.597

^(*) Là chi phí môi giới hoa hồng, marketing dự án căn hộ Centa Park giai đoạn đầu mở bán, hiện nay dự án đã hủy mở bán do các thủ tục pháp lý chưa đầy đủ, công ty đã thông báo cho tất cả các khách hàng để trả lại tiền đặt cọc cho khách và công ty đang thực hiện thủ tục hoàn trả tiền cho khách hàng. Đến nay công ty chưa xử lý chi phí môi giới hoa hồng, marketing dự án căn hộ Centa Park giai đoạn đầu mở bán nêu trên.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Số đầu năm	14.627.041.597	19.060.363.462
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	14.627.041.597	19.060.363.462

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	7.777.476.732	8.377.476.732
Công ty TNHH MTV Quản lý KD Nhà TP.HCM	4.452.000.000	4.752.000.000
COMMODITIES INTERNATIONAL, INC	1.485.247.379 (#USD 65.894)	1.485.247.379 (#USD 65.894)
Các nhà cung cấp khác	1.840.229.353	2.140.229.353
Cộng	7.777.476.732	8.377.476.732

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản phải trả người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nhận trước các bên liên quan</i>	2.346.847.200	2.346.847.200
Nguyễn Nhân Kiệt ^(*)	2.346.847.200	2.346.847.200
<i>Nhận trước các đối tượng khác</i>	18.414.387.106	23.716.705.706
Nhận trước đặt cọc dự án Centa Park ^(*)	18.403.839.792	21.775.503.792
Công ty CP TM DV Giao nhận Liên hiệp Quốc tế	10.547.314 (#USD 493)	10.547.314 (#USD 493)
Các khách hàng khác	-	1.930.654.600
Cộng	20.761.234.306	26.063.552.906

^(*) Là khoản nhận trước tiền đặt cọc dự án căn hộ Centa Park tại địa chỉ 678 Âu Cơ, hiện nay dự án đã hủy kinh doanh do các thủ tục pháp lý chưa đầy đủ, công ty đã thông báo cho tất cả các khách hàng để trả lại tiền đặt cọc cho khách và công ty đang thực hiện thủ tục hoàn trả tiền cho khách hàng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	12.658.563	127.644.842	(31.054.733)	-	109.248.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	779.963.061	-	161.828.016	-	618.135.045	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	618.208.880	82.056.500	(138.900.000)	-	561.365.380
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	958.878.785	439.642.809	(276.226.463)	-	1.122.295.131
Thuế môn bài	1.000.000	-	6.000.000	(276.226.463)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	3.228.618.763	-	(1.090.280.110)	-	2.138.338.653
Cộng	780.963.061	4.818.364.991	817.172.167	(1.541.461.306)	618.135.045	3.931.247.836

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Chi cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	803.567.829	173.183.079
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	803.567.829	173.183.079

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.854.558.985	1.854.558.985
Công ty Cổ phần Everland ^(*)	1.854.558.985	1.854.558.985
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí trích trước thuê mặt bằng	4.814.545.453	5.429.090.908
- Công ty CP Giống gia cầm Miền Nam	2.654.545.453	5.429.090.908
- Công ty TNHH MTV Quản Lý KD Nhà TP.HCM	2.160.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	124.090.909	965.484.880
Cộng	6.793.195.347	8.249.134.773

^(*) Là khoản trích trước chi phí môi giới hoa hồng, marketing dự án căn hộ Centa Park giai đoạn đầu mở bán, hiện nay dự án đã hủy mở bán do các thủ tục pháp lý chưa đầy đủ, công ty đã thông báo cho tất cả các khách hàng để trả lại tiền đặt cọc cho khách và công ty đang thực hiện thủ tục hoàn trả tiền cho khách hàng. Đến nay công ty chưa xử lý chi phí môi giới hoa hồng, marketing dự án căn hộ Centa Park giai đoạn đầu mở bán nêu trên (Xem thuyết minh V.11).

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	505.032.940.003	506.155.313.279
Công ty CP TM DV và XD (Traseco) ^(*)	500.282.105.040	500.282.105.040
Các khoản phải trả khác	4.750.834.963	5.873.208.239
Cộng	505.032.940.003	506.155.313.279

(*) Là khoản nhận hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18 tháng 8 năm 2016, Công ty và Công ty CP TM DV và XD cùng hợp tác đầu tư thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh công trình trên khu đất thuộc dự án Centa Park 678 Âu Cơ.

Theo đó, Công ty tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ sản phẩm của Dự án cho Công ty CP TM DV và XD (Traseco) khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật. Công ty CP TM DV và XD (Traseco) được độc quyền ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty đối với Dự án trên cho đến khi có quyết định chấp nhận chủ đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kể từ ngày ký Hợp đồng này trở về sau mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc phát triển Dự án sẽ do Công ty CP TM DV và XD chi trả (Xem thuyết minh số V.10).

17b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.663.200.000	-
Công ty CP Vina Đại Phước	1.663.200.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	1.663.200.000	-

Là khoản tiền ký quỹ theo Hợp đồng Dịch vụ số 2012/2017/HDDV-SEAPRODEX-VDP ngày 20 tháng 12 năm 2017 và bản sửa đổi số 5 ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc cho thuê một phần mặt bằng tại địa chỉ số 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, đa số nợ đã quá hạn thanh toán

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	15.210.008.172	15.210.008.172	15.210.008.172	15.210.008.172
Công ty CP Thủ Thiêm Land	13.646.489.635	13.646.489.635	13.656.489.635	13.656.489.635
Vũ Đức Tâm	1.563.518.537	1.563.518.537	1.563.518.537	1.563.518.537
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	51.959.975.143	51.959.975.143	63.026.398.349	63.026.398.349
Công ty CP Thanh Niên	40.035.340.335	40.035.340.335	51.071.763.541	51.071.763.541
Vũ Mỹ Hạnh	11.889.333.333	11.889.333.333	11.889.333.333	11.889.333.333
Các tổ chức và cá nhân khác	35.301.475	35.301.475	65.301.475	65.301.475
Cộng	67.169.983.315	67.169.983.315	78.181.105.046	78.181.105.046

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty CP Thanh Niên	51.071.763.541	7.426.384.096	(18.462.807.302)	40.035.340.335
Công ty CP Thủ Thiêm Land	13.656.489.635	-	(10.000.000)	13.646.489.635
Vũ Mỹ Hạnh	11.889.333.333	-	-	11.889.333.333
Vũ Đức Tâm	1.563.518.537	-	-	1.563.518.537
Các tổ chức và cá nhân khác	65.301.475	-	(30.000.000)	35.301.475
Cộng	78.246.406.521	7.426.384.096	(18.502.807.302)	67.169.983.315

Các khoản vay của Công ty với các bên liên quan không có hợp đồng và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	6
Số dư đầu năm trước	396.000.000.000	931.464.240	54.774.903.614	451.706.367.854
Tăng trong năm trước	-	-	66.196.729	66.196.729
Giảm trong năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	396.000.000.000	931.464.240	54.841.100.343	451.772.564.583
Tăng trong kỳ	-	-	144.090.349	144.090.349
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	144.090.349	144.090.349
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	396.000.000.000	931.464.240	54.985.190.692	451.916.654.932

19b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Nhân Kiệt	25%	99.000.000.000	99.000.000.000
Nguyễn Trọng Trí	8%	32.000.000.000	32.000.000.000
Trần Minh Tính	5%	20.381.000.000	20.381.000.000
Hàn Hồng Hạnh	5%	19.720.000.000	19.720.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư SPX	5%	19.600.000.000	19.600.000.000
Nguyễn Thị Huyền Trang	5%	19.378.000.000	19.378.000.000
Nguyễn Khải Hưng	5%	19.000.000.000	19.000.000.000
Nguyễn Lê Phan	5%	18.976.000.000	18.976.000.000
Các cổ đông khác	37%	147.945.000.000	147.945.000.000
Cộng	100,00%	396.000.000.000	396.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chi tiết	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Các cổ đông	396.000.000.000	100,00	396.000.000.000	-
Cộng	396.000.000.000	100,00	396.000.000.000	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	396.000.000.000	396.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	396.000.000.000	396.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19d. Cổ phiếu

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

19e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức năm nay được chia theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần 2 số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2022 ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

19f. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

19g. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	54.841.100.343
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	144.090.349
Phân phối trong kỳ	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	54.985.190.692

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Dollar Mỹ (USD)	3.325,37	76.612.625	3.325,37	76.612.625

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.121.161.640	8.829.264.041
Doanh thu bán hàng hóa	2.923.228.514	-
Cộng	10.044.390.154	8.829.264.041

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan khác chi tiết như sau :

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Công ty CP Vina Đại Phước	4.536.000.000	4.123.636.364
Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	2.923.228.514	-
Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management	1.590.909.091	3.936.752.883
Cộng	9.050.137.605	8.060.389.247

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.671.908.757	4.556.130.176
Giá vốn bán hàng hóa	2.923.228.182	-
Cộng	5.595.136.939	4.556.130.176

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi cho vay.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	1.928.424.958	1.343.332.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	773.813.724	774.560.799
Thuế, phí và lệ phí	445.642.809	200.086.590
Chi phí dự phòng	(50.000.001)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.216.298.934	1.852.434.756
Các chi phí khác	231.044.583	705.569.202
Cộng	5.545.225.007	4.875.983.728

6. Chi phí khác

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Chi phí bồi thường hợp đồng chi trả tiền đặt cọc dự án Centa Park	1.325.000.000	1.114.953.641
Cộng	12.222.813.196	1.114.953.641

7. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	305.918.365	402.328.433
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	503.221.714	438.175.358
- Chi phí không được trừ	503.221.714	438.175.358
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	809.140.079	840.503.791
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	809.140.079	840.503.791
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	161.828.016	168.100.758

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

8a Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	144.090.349	234.227.675
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	144.090.349	234.227.675
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	39.600.000	39.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,64	5,91

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	39.600.000	39.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
...		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39.600.000	39.600.000

8b Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	144.090.349	234.227.675
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi,..	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	144.090.349	234.227.675
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	39.600.000	39.600.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3,64	5,91

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	39.600.000	39.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	39.600.000	39.600.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	1.928.424.958	1.343.332.381
Chi phí khấu hao TSCĐ	773.813.724	774.560.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.888.207.691	6.408.564.932
Chi phí khác	626.687.391	905.655.792
Cộng	8.217.133.764	9.432.113.904

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.19).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.19).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

- Theo các thông báo nộp tiền thuê đất truy thu bổ sung, thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2021 của khu đất tại số 678 Âu Cơ (số cũ 3218C), phường 14, quận Tân Bình, Tp.HCM, Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất phải nộp theo thông báo thuế tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 với số tiền ước tính là 66.357.275.524 VND.

Công ty đang làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định lại tiền thuê đất phải nộp nêu trên. Hiện nay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có quyết định chính thức số tiền thuê đất mà công ty phải nộp. Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất nêu trên khi có quyết định chính thức.

- Dự án căn hộ Centa Park đang dừng thực hiện, công ty đang tiến hành trả lại tiền đặt cọc cho khách hàng. Việc dừng thực hiện Dự án có thể phát sinh rủi ro nợ tiềm tàng với các bên liên quan. Công ty cam

kết sẽ thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý để thực hiện Dự án, cũng như các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc dùng thực hiện này.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<i>Trần Thị Mai Thu</i>		
- Tạm ứng	50.000.000	-
- Hoàn ứng	-	-

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Tiền lương	647.500.000	447.000.000
Cộng	647.500.000	447.000.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Hội đồng quản trị		440.000.000	240.000.000
Lại Tân Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	200.000.000	-
Đỗ Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Ban Kiểm soát		90.500.000	90.000.000
Dương Hy Phúc	Thành viên Ban Kiểm soát	90.500.000	90.000.000
Ban Điều hành		117.000.000	117.000.000
Trần Thị Mai Thu	Kế toán trưởng	117.000.000	117.000.000
Cộng		647.500.000	447.000.000

4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ;
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Nhân Kiệt	Cổ đông lớn sở hữu 25% cổ phần.
Ông Trần Minh Tính	Cổ đông lớn sở hữu 5,15% cổ phần.
Ông Vũ Đức Tâm	Cổ đông sở hữu 4,42% cổ phần.
Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management	Ông Vũ Đức Tâm – Cổ đông sở hữu 4,42% cổ phần là người đại diện theo pháp luật.
Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	Ông Nguyễn Nhân Kiệt – Cổ đông lớn sở hữu 25% cổ phần là người đại diện theo pháp luật.
Công ty CP PPT Land	Ông Nguyễn Nhân Kiệt – Cổ đông lớn sở hữu 25% cổ phần là người đại diện theo pháp luật từ ngày 20/6/2022.
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	Cổ đông góp vốn vào Công ty CP PPT Land tỷ lệ 20%, chủ tịch HĐQT là Bà Lê Thị Diệu Phú là người đại diện theo pháp luật. (Xem thuyết minh số V.6).
Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông	Cổ đông góp vốn vào Công ty CP PPT Land tỷ lệ 33%, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là ông Trần Quốc Hùng. (Xem thuyết minh số V.6).
Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	Cổ đông góp vốn vào Công ty CP PPT Land tỷ lệ 47%, Ông Nguyễn Nhân Kiệt – Cổ đông lớn sở hữu 25% cổ phần là người đại diện theo pháp luật. (Xem thuyết minh số V.6).

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Vina Đại Phước	Ông Lin Yi Huang - thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật từ ngày 01/6/2022.
Công ty CP Thủ Thiêm Land	Bà Đỗ Thị Hồng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.
Công ty CP Everland	Ông Trần Minh Tính – Cổ đông lớn sở hữu 5,15% cổ phần là người đại diện theo pháp luật.
Công ty TNHH TM – DV Mộc Đức	Ông Trần Minh Tính – Cổ đông lớn sở hữu 5,15% cổ phần là người đại diện theo pháp luật.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<i>Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management</i>		
- Phải thu cung cấp dịch vụ	1.936.000.000	3.640.000.000
- Đã thu tiền cung cấp dịch vụ	2.310.000.000	1.480.000.000
- Phải thu tiền điện, thang máy	218.547.155	522.603.500
- Đã thu tiền điện, thang máy	265.881.514	521.204.380
<i>Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm</i>		
- Phải thu tiền bán hàng hóa	3.215.551.365	-
- Đã thu tiền bán hàng hóa	200.000.000	400.000.000
<i>Công ty CP Vina Đại Phước</i>		
- Phải thu cung cấp dịch vụ	5.272.800.000	4.536.000.000
- Đã thu tiền cung cấp dịch vụ	8.789.520.000	4.536.000.000
- Thu tiền ký quỹ	283.200.000	-
<i>Công ty CP Thủ Thiêm Land</i>		
- Trả tiền vay	10.000.000	-

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí lãi vay vốn hoá

Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hóa.

6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là hoạt động dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà kho.

6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 162/2022/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn theo đơn yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna. Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn đã đệ trình đơn yêu cầu khẩn cấp về việc hủy bỏ hoặc đình chỉ/tạm đình chỉ thi hành Quyết định mở thủ tục phá sản số 162/2022/QĐ-MTTPS ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm phát hành báo cáo, vẫn chưa có kết luận của Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề này.

Ngoài ra, Viện kiểm soát nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 137/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm đối với bản án số 53/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Theo đó, tạm đình chỉ thi hành đối với bản án số 53/2021/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Người lập biểu

TRẦN THỊ MAI THU

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ MAI THU

Tổng Giám đốc



ĐANG ĐÌNH PHÚC



2372 / 22 / BCKT / AUD - VVALUES